

Chào nhật . ngày 19 tháng 10 năm 1989

- Kính Bà Chủ tịch.

Quê tôi chân thành gửi đến Bà lời chào thân ái và tạo nhà của tôi, cũng với lời chúc mừng của tôi đến Bà và các vị khác trong Quý Hội, mà từ lâu nay tôi không có dịp.

- Cháu Bà

Tôi tên là Kiên Thi Nhơn, vợ của cô Trung tá Trường Sơn chức vụ sau cùng của chồng tôi, trước khi được ghi nhận là mất tích (tháng 11/1973), là Tiểu Khu Phó kiêm Tham mưu trưởng 1TK Quảng Đức thuộc vùng II chiến thuật. Tôi muốn nhận cơ hội này, xin Bà Chủ tịch và Quý Bà trong Hội giúp đỡ cho tôi, và các con cháu của tôi, để có thể đi dân, đến nước Mỹ sinh sống, theo sự thỏa thuận và chính sách nhân đạo của 2 chính phủ. Được sự giúp đỡ của Quý Bà chúng tôi và cũng nhớ ơn vâng ngọc!

- Cháu Bà Chủ tịch.

Nhằm thu hưởng theo chính sách dành các SQ của QLINCHI và gia đình, tôi đã đề tên lên CP Mỹ trước đây, nhưng không thấy có sự phục cấp, nay theo diễn tiến có khả quan và tích cực của Bà và Quý vị trong hội, một lần nữa tôi làm đơn này, ngoài việc gửi đến CP Mỹ, xin gửi Bà với ý muốn, yêu cầu Bà giúp đỡ cho chúng tôi để được kết quả như mong muốn, như Bà và Quý Hội đã thấy và biết nhiều về những hoàn cảnh bên nhà, gia đình tôi và nhiều gia đình khác gặp rất nhiều khó khăn, từ đó tôi tha thiết xin Bà và Quý Hội ghi tên danh sách tôi và giúp đỡ mọi điều.

- Tôi muốn bày tỏ lòng cảm ơn sâu xa nông hân đến với Bà Chủ tịch, và Quý Hội một lần nữa về các hoạt động dành cho gia đình tôi.

Tôi có dịp sau này liên lạc đến Bà Chủ tịch nữa để đạt niềm tin trọn vẹn đến Bà Chủ tịch và các Quý vị trong Hội, vui lòng bớt chút thời giờ, cho gia đình tôi sự hồi âm

Tray kính

Bà quả phụ Trại Tá Trường Sơn
như anh Kiên Thi Nhơn

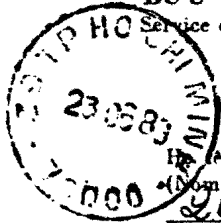
Mu



Trang. 12
/ Truong. 8
no. 100. 103. 114

BƯU CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Viet-nam

BƯU CHÍNH
Service des Postes



AVIS DE RÉCEPTION

GIẤY BẢO NHẬN

C. 5
(BĐ 29)
Nhật ấn Bưu cục
hoàn giấy báo
Timber du bureau
renvoyant l'avis



Họ tên địa chỉ (1):

Hrs Kiên Thị Nhơn

(Nom et adresse)

268 Hồ Trưng Song Phường 12

Quận Bình Thạnh - TP. HCM

Nước (Pays) **VIỆT NAM.**

(1) Người gởi ghi địa chỉ của mình. Sau khi phát bưu phẩm, bưu kiện, bưu cục đến hoàn giấy bảo này cho người gởi, di trả và miễn phí, theo đường nhanh nhất (đường bay hay thủy bộ).

A renvoyer par voie la plus rapide (aérienne ou de surface), à découvert et en franchise de port.

Do Bureau cục gốc ghi
A remplir par le bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số (I). R 658 Bưu kiện N°
Envoi recommandé Colie postal
Ký gửi tại Bureau cục HCM
déposé au bureau de poste de
ngày 23-6 1989
le 19
Địa chỉ người nhận The Director, orderly Departure office Punjab
Adresse du destinataire Hum Building (United States Embassy)
Shi Sathorn Faik Bangkok 10120 Thailand

Chỉ ở Bureau cục nhận
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát
Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dument livré
ngày
le

Chữ ký người nhận
Signature du destinataire (1)

de
29 JUN 1989

Chữ ký nhân viên
Bureau cục nhận
Signature de l'agent
du bureau destinataire

Nhật ấn Bureau cục nhận
Timbre du bureau
destinataire



Bí CHÚ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền »
Nếu phát chậm ghi lý do như « Người nhận báo lần thứ 3 mới đến ».

PHÒNG LỤC-SỰ' TÒA VINH-BÌNH

GREFFE DU TRIBUNAL DE

1948

///

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ HÔN-THỦ NĂM

Extrait du registre des actes de mariage de l'année

Trav-nh

(BƯC

Idogre

LÀNG

TỈNH

(NAM-PHÂN)

du village de

1948

Province de

22

(S. G. Viêt-Nam.

NĂM

(Année)

SỐ HIỆU

Acte No

Tên, họ người chồng	Trương-Son
Nom et prénom de l'époux	
Sinh tại chỗ nào	Hương-Hòa
Lieu de la naissance	
Sinh ngày nào	12-6
Date de la naissance	
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Trương-Lai (sống)
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Kim-thị-Phan (sống)
Tên, họ người vợ	Kiên-thị-Nhơn
Nom et prénom de l'épouse	
Vợ chánh hay là vợ thứ	Vợ chánh
Son est-elle femme mariée	
Sinh tại chỗ nào	Hương-Hòa
Lieu de la naissance	
Sinh ngày nào	1927
Date de la naissance	
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Kiên-Son (sống)
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Kiên-thị-Tho (sống)
Ngày kết-hôn	12 Novembre 1948
Date de mariage	

Chúng tôi

Nếu

Chánh-Ái Tòa

Président du Tribunal de

chứng cho hợp-pháp chữ ký của

de l'année l'authenticité de la signature de M.

Ông

Chánh-Lục-Sự Tòa-Án sở tại.

Greffe en Chef du dit tribunal.

Trích y bốn chánh:

Pour extrait conforme:

Vinh-Bình

6.12.73

ngày

CHANH LUC-SU

LE GREFFIER EN CHEF

, ngày

19

CHANH AN,
LE PRÉSIDENT.

Giá tiền
Còn

208

Bản-lai số
Quittance N°

13227.710

Vũ-vân-Hai

CHỨNG THƯ MẤT - TÍCH

-o-o-o-o-o-o-

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
Quân-Lực Việt-Nam Công-Hòa
Quân-Đoàn II, * QĐ/2
Tiểu-Khu Quang-Dục
Phòng Tổng Quan-Trị
Số: 424/TKQD/PTQT/BCTT/NV

Chúng tôi ký tên dưới đây Trung-Tá NGUYỄN-HỮU-THIÊN Tiểu-Khu Trưởng Tiểu-Khu Quang-Dục, Chứng nhận rằng Trung-Tá TRƯƠNG-SƠN số quân 26/103.224, con của Ông TRƯƠNG-LAI và bà KIM-THỊ-PHÂN sinh ngày 13 tháng 7 năm 1926 tại Hoà-Lạc, Trà-Vinh,

Trung-Tá/CLQ/HD ghi dưới số 26/103.224 trong số danh bộ .

Và từ ngày ấy tất cả các sự điều tra số phận nhận đều vô hiệu .

TRƯỜNG-HỢP MẤT-TÍCH : Trung-Tá TRƯƠNG-SƠN Tiểu-Khu Phó Tiểu-Khu Quang-Dục, kiêm chỉ-buyn Trưởng Hành quân tại căn cứ BẠCH-PHONG tọa độ YU.682.508 . Vào lúc 05005G/II/73 Việt-Cộng ồ-ạt tấn công bằng bộ binh và chiến xa, sau nhiều giờ giao tranh vì lực lượng địch quá mạnh nên căn cứ bị tràn ngập gây cho Trung-Tá TRƯƠNG-SƠN bị mất tích ./-

NGƯỜI LÀM CHỨNG

NƠI NHẬN

- Bộ TTM/PTQT/ĐPQNG/NSV (01 bản)
- Bộ TL/QĐII+QK2/PTQT/NSV (01 bản)
- Sở HC/Tại-Chánh số 3 (01 bản)
"Đề kính tường trình"
- BCH/TKQD/KTQS/PTQT (01 bản)
"Đề nhập tu Quân số"
- TT/YTTV/TKQD/K.T.Chánh (04 bản)
"Đề thanh toán PG theo thể
lệ hiện hành"
- Hồ-sơ...
- Lưu chiếu...

KBC.4023, ngày 14 tháng II năm 1973

Trung-Tá NGUYỄN-HỮU-THIÊN
Tiểu-Khu Trưởng Tiểu-Khu Quang-Dục



7 0 T R Ì N H - Ồ Y K H Ớ C

Việt-Nam Cộng Hòa
Quân Lực Việt-Nam Cộng Hòa
Quân Đoàn II Quân Khu 2
Tiểu Khu Quảng-Đức
Phòng Tổng Quản Trị

Số: 2259 /TKQ/TQT/Q/BCTT

HỌ VÀ TÊN : TRƯƠNG-SƠN
CẤP BÁC : Trung-Tá
SỐ QUÂN : 1.6/103.244
SINH-NGÀY : CLQ/HD

THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM XÂY RA SỰ MẤT TÍCH : Lúc 05 giờ sáng
ngày 04 tháng 11 năm 1973 tại Tọa độ YU.662.508.

TRƯỜNG HỢP XÂY RA SỰ MẤT TÍCH :

-Trung Tá TRƯƠNG-SƠN Tiểu Khu Phó Tiểu Khu Quảng-Đức
trách nhiệm chỉ Huy hành quân tại căn cứ BẠCH-PHONG tọa-độ
YU.662.500.

-Vào lúc 0400H/11/1973 Việt Cộng ồ ạt tấn công căn cứ
bằng bộ binh và chiến xa. Sau nhiều giờ giao tranh vì lực
lượng địch quá mạnh nên căn cứ bị tràn ngập gây cho Trung
Tá TRƯƠNG-SƠN bị mất tích.

Ý KIẾN CỦA TRUNG TÁ TIỂU KHU TRƯỞNG.

Sự mất tích của Trung Tá TRƯƠNG-SƠN được quy trách
công vụ.

LÝ DO : Do sự bị mất tích trong khi đang giao-tranh với
địch quân

Trân trọng kính trình Quý Bộ TTM thẩm-định ./-

HỌI-NHÂN:

-Bộ TTM/PTQT/LPQ&Q/ASV 01b
-BTL/Q11&Q2/TQT/RSV 01b
-Sở Hành-Chánh TC số 3 01b
"Đề kính tường"
-BCH/TAQ/PTQT(QS+HS) 02b
"Đề nhật-tu QS + HS QS"
-TT/YFPV/Q (K.TC) 04b
"Đề thanh toán trợ-cấp
theo thể lệ hiện hành"
-Ho sơ.....
-Lưu chiếu.-

KBC.4023 ngày 14 tháng 11 năm 1973
Trung-Tá NGUYỄN-HỮU-THIỆN
Tiểu-Khu Trưởng Tiểu-Khu Quảng-Đức



18
 188) ANH - KH - TUONG - MAO - QUAN - VU
 (Lam C)

Tiet Nam Cong Hoa
 Quan Luc Viet Nam Cong Hoa
 Quan Doan II va Quan Khu 2
 Tieu Khu Quang Duc
 Phong Tien Quan Tri

GUA : Trung-Ia/CLQ/THUONG - SOV
 SO QUAN : 46/103.244

South ngày	13-07-1926	Tai	Ha Lac	Tec
La		Quan		Tai
Tinh	Tra Vinh	Tha nghien		Tran
Don Ong	THUONG - LAI	Va Bu	KIM - THI - PHAM	Mat
Ngu tai	Ha Lac	Xa		Mat
Quan		Tinh	Tra Vinh	Mat
Thoi vu ngay	12-11-1948	Voi Co	KIM - THI - NAMON	Mat
Ngu tai	Luong Hoa	Tinh	Tra Vinh	Mat
Clay phap mot hon so		Ngay		Mat

QUAN - VU - LIEN - TIEP

- 01-05-1949 anage volontaire le 01-05-49 pour 2 ans a terme provisoire et rest liabie au titre du 5eme regiment de cuirassier et pour compter le dit jour. Arrive au corps et sedet de 2eme classe le dit jour. Affecter a l'E.M.E. contraten du definitif a/c du 01-05-49 (D.C.C. No 53 du 01-05-49).
- 16-02-1950 Ineruit du tableau d'avancement au titre normal pour le Grade de Brigadier par du regiment No 10 (D.C.C. No 24 du 17-02-50). a/c du 16-02-50. Mute au l'escadron 4/c 16-03-50 (D.C.C. No 36 du 16-3-50) anage volontaire au titre de corps d'un an a/c du 01-05-51.
- 01-02-1952 Ineruit au 1.4 pour le Grade de M.D.L (54 du 1952) Enexecution des prescriptions de M.D.L. No 11373/Y.A.L.O/L/XL en date du 08-9-50 et de la Transmission No 2789/FTS7/2/AD en date du 2551/ le Colonel BARRON Cdt le 1eme Sgt de cuirassier recevait l'union contracter par l'interese (Ant 225 du 6952) D.C.C. 123 du 08-09-53 d'un an a/c 01-11-52 (D.C.C. 133 du 19-9-52).
- 01-02-1952 Ineruit au T.4 et neme au Grade de Brigadier Chef No 4 du 01-01-52 (D.C.C. No 3 du 12-01-52) Mute au 1.4 escadron (D.C.C. No 50 du 11-06-52).
- 26-09-1952 Neme au Grade M.D.L No 57 du 26-9-52 (D.C.C. 135 du 26-9-52) titulaire du GAP est receasse en echelle de solde "e 2" a/c du 01-12-52 en execution de la ATG No 72/E/ B/4/AL du 28-02-53.ayer des controle de l'arme Francais le dit jour. Mis en route sur le 01.44V 12-03-53.
- 01-01-1953 enterge dans l'arme du IV avec le Grade d'adoutenant par arrete No 68/CAP/DV du 12-02-53. Contant MEXO resilie a/c du 31-12-53 l'execution de la MTS No 7246/EL/L/ AL du 28-02-53.ayer des controle de l'arme Francais le dit jour. Mis en route sous le 01.44V 12-03-53.
- 12-03-1953 Preuent au 6eme M.D.V le 12-3-53 par en stage specialisations ABC par MDS No 15325/TH/DN/L/3. Mis en route sur MN de ler NM le 01-08-53. Par note No 15325/TH/DN/L/3 du 22-7-53. Il est designe pour suivre le stage de specialisations ABC. Mis en route G.L.A.L le 02-8-53. suivre avec succes le cours d'application de cavalcie Blindre du 03-8-53 - 03-10-53.
- 01-12-1954 Mute au 1eme Groupement d'escadron escorte a/c du 01-02-54 quite par A.M. 2988/TT M/PTISFLBS/AN/2 du 02-03-54 quite par le 1eme M.D.V le 08-02-54. Par arrete No 3432/ND leme GMA change de denomination et prende nom de 1eme Regiment de Dragons a compter du 01-03-54.
- 01-07-1954 Promu grade de lieutenant D'active par arrete presidentiel No 1040/CQ en date 01-11-54.
- 15-06-1956 Chieu Van Thu se BIR/TKP ngay 15-6-56 cua CHT/TC de 1 TBIKE duoc doi xung danh lai la THOI/TOR.
- 22-01-1957 Duoc thao hoc khoa Anh Fig (9) tai Hoi Viet My tu ngay 22-4-57 den 22-7-57 bai CD se 381/ICR/NO/SC ngay 08-4-57 cua Dai-Uy/THVT/THOI/TC.
- 20-10-1955 Duoc do cu giu chuc vu Chi Doan Truong 3/1 Thua Thinh do CP so 127 ngay 20-10-55.
- 16-09-1958 Th/uh va SDLA de LTC se 6151/QP/TV/LA/1 ngay 16-9-58 cua B.TTH. Lon duong trinh dien den vi mai ngay 20-10-53. Xa ten trong se kiem danh TAD k/t ngay tren.
- 16-09-1958 Th/uh dan Tieu Doan 3/42 de LTC se 01520/QP/TV/LA/1 ngay 23-3-59. Duoc do cu giu chuc vu DPT 4/3 k/t ngay 16-9-58.
- 01-03-1959 Thi hanh Ngai Dinh se 504/LA/ ngay 05-12-58 va SVVT se 0136/CX3/1/1/TC ngay 13-159 va CD se 146/1/1 ngay 02-3-59. SPKC 14 duoc doi Thanh hieu la SP22DA.
- 16-03-1960 Th/uh dan Li Quan sat 1 de LTC se 02329/QP/TV/LA/1/TC ngay 23-03-60 cua Tha Dong Vien Bo Quoc Phong.

- ... 2 ...
- 01-11-1961 LD/Quan sát 1 được đổi danh hiệu là LD77 k/t 01-11-61 của B.T. Quoc Phong. Tái hành theo WD số 1183/QP/WD ngày 05-10-61 và SVVT số 00063/TTM/1/1/M/TTM/L/TK/M ngày 11-10-61 của B.TTK.
 - 29-04-1963 Th/eh DTQXD của BCH/LLDB/VZCT do SVVT số 1319/LLDB được giữ chức vụ SQ/P.2 kiêm SQ An Ninh.
 - 16-02-1964 Thuộc LD77 th/eh LD31 do LTC số 1124/TTL/TCT/CH/P/K ngày 24-12-64 của B.TL/UDVTCN. Xoa tên trong sổ kiểm danh LD77 k/t ngay trên.
 - 16-07-1964 Th/eh đơn LD77 do LTC số 1245/LLDB/TCT/VV/K/MTG ngày 23-7-64 của B.TL/LLDB. Tham chiếu SVVT số 00967/TTM/1/3/C ngày 14-3-65. Thị Mạnh Sắc Lệnh số 324/TP ngày 09-11-64. Điều 1: SL này áp dụng k/t ngày 01-01-65 Thời gian của các Quan Nhân phẩm và DVGD được tính gộp đôi về tháng thưởng và hưu bổng.
 - 16-07-1964 Giữ chức vụ Trưởng Trại Đôn Phước (V&CT) k/t ngày 16-7-64 đến 06-6-65.
 - 01-09-1964 LD77 được đổi danh hiệu là LD301 do WD số 1409/QP/WD ngày 24-7-64 của B. Quốc Phong.
 - 30-06-1965 LD301/LLDB giải tán do WD số 0284/QP/WD ngày 09-6-65 của B.QP và th/eh đơn Toàn CH/LLDB do LTC số và LTC số 10483/LLDB/TCT/VV/K/MTG ngày 26-8-65 của B.TL/LLDB. Công vụ k/t ngày 01-7-65.
 - 16-08-1963 Đại-Uy tạm thời được điều chỉnh thành Đại-Uy thực thụ do WD số 413/QP/WD ngày 09-8-63 của B.QP và DS số 10854/QP/TCT/VV/K ngày 26-8-65 của B.TL/LLDB.
 - 01-10-1965 Th/eh đơn Toàn C3/LLDB do LTC số 12355/LLDB/TCT/VV/K ngày 08-10-65 của B.TL/LLDB.
 - 01-11-1965 Th/eh và BCH/LA/LLDB do LTC số 15493/LLDB/TCT/VV/K ngày 13-12-1965 của B.TE/LLDB.
 - 07-12-1965 Giữ chức vụ SQ/Phụ tá CMT/BCH/CA do SVVT số 0375/LLDB/TCT/VV/K ngày 10-01-66.
 - 22-06-1966 Được đề cử giữ chức vụ Trưởng Trại Tĩnh Biên kiêm Trưởng Toàn A.148 do SVVT số 08619/LLDB/TCT/VV/K ngày 27-7-66 của B.TL/LLDB.
 - 29-11-1966 Được đề cử giữ chức vụ C.CMT/D.18 do SVVT số 13905/LLDB/TCT/VV/K ngày 10-3-67 của B.TL/LLDB.
 - 25-02-1967 Được đề cử giữ chức vụ Trưởng Toàn B.18 do SVVT số 2342/LLDB/TCT/VV/K ngày 10-3-67 của B.TL/LLDB.
 - 01-07-1967 Thang cấp Thiệu-Ta thực thụ do WD số 435/QP/WD ngày 17-6-67 của B.QP.
 - 27-06-1968 DTQXD của BTL/LLDB do SVVT số 07729/LLDB/TCT/VV/K ngày 12-7-68 của B.TL/LLDB.
 - 26-08-1968 Thuộc toàn CA/LLDB được th/eh về khoi LLDB do QD số 10032/TTM/TCT/BH/SQ/K ngày 29-7-68 do DTQXD của QNII. Co bang CSWD số 6799/cap ngày 16-2-60. Xoa tên trong bang DS/KV số 2 và đính chỉ phụ cấp KV số 1 và 2 k/t ngày 01-7-64 do QD số 9012/ELDB/P.3/KV ngày 10-4-68 của BTL/LLDB.
 - 06-08-1968 Được điều chỉnh lại số quan (08 số) là 46A/103.244 do DS số 6331/PDV3/34 ngày 06-08-68 của TQ73 (số quan cũ 49/149.091 được hủy bỏ).
 - 01-09-1968 Được th/eh đơn TK/42/BL do LTC số 10752/QNII/TCT/VV/ST ngày 30-8-68.
 - 01-09-1968 Được th/eh đơn TD3/42 giữ chức vụ TDT/TD3/42 do LTC số 011076/QUA42/TCT/21/TC ngày 04-10-68 của TAD42/BL.
 - 16-10-1968 Th/eh DTQXD của SD22BB do LTC số 12496/QNII/TCT/VV/ST ngày 16-10-68 của BTL/QNII. Xoa tên trong sổ kiểm danh đơn vị k/t ngay trên.
 - 16-12-1968 DTQXD của TAD41 do LTC số 012096/SD22BB/TCT/VV/TC1 ngày 04-12-68 của BTL/SD22BB.
 - 16-12-1968 Từ TAD41 th/eh đơn TD3/41 do LTC số 13160/TAD41/TCT/VV/TC ngày 09-12-68 của BCH/41.
 - 26-12-1968 Được đề cử giữ chức vụ TDT/TD3/41 do QD số 00375/SD22BB/TCT/VV ngày 14-1-69 của BTL/SD22BB.
 - 01-01-1970 Được thăng cấp Trung-Ta nhiệm chức do WD số 0162/QP/WD ngày 05-02-70.
 - 27-07-1970 Từ TD3/41 th/eh đơn Trưởng CHMTM do theo học K.ACM&TM Cao cấp do LTC số 06800/TAD41/BL/DH/TC1 ngày 28-7-70.
 - 10-08-1970 Máy do LTC số 06800/TAD41/BL/DH/TC1 ngày 28-7-70 do SVVT số 0190/TAD41/BL/DH/TC1 ngày 10-8-70. Lý do tra về Đơn Vị gốc vì khoa sinh qua phân sát an ninh.
 - 01-10-1970 Thang cấp Trung-Ta/DH thực thụ do WD số 1141/QP/WD ngày 05-10-70 của B.QP.
 - 01-11-1970 Từ TD3/41 th/eh đơn TK.Quang Duc do LTC số 12165/TTM/TCT/BH/SQ/A/K ngày 17-11-70 của B.TTM. Xoa tên trong sổ kiểm danh đơn vị k/t ngay trên.
 - 27-11-1970 Được bổ nhiệm giữ chức vụ TKP/TK.Quang Duc do QD số 15611/QNII/TCT/VV/ST/DPQ ngày 27-11-70 của BTL/QNII+OK2.
 - 05-04-1973 Được đề cử giữ chức vụ TKP+TMT/TK.Quang Duc do SVVT số 541/TKQD/TCT/DH/TCF ngày 05-04-73 của TK.Quang Duc.
 - 04-11-1973 Kết tích hội 05 gộp ngày 04-11-73 do Te Trình Uy Khúc số 4259/TKQD/TCT/BCTT/VV và BT/BCTT số 4233/TKQD/TCT/BCTT/VV ngày 14-11-73 của TKQD. Xoa tên trong sổ kiểm danh Đơn Vị k/t ngay trên.

CHÍNH - DỊCH	MỸ - CHUYỂN	
	: - ADHT cap LD so 2223/	08-01-1952
- Tay "inh tu 12-01-56	: - Giay khen so 109/WT/1/TTB	14-02-1957
den 01-07-56.	: - ADHT cap SD so 06/B.TTM	06-03-1957
- Truong Tan Bui tu 26-7-56 den 15-02-57	: - ADHT cap SD so 38/B.TTM	24-03-1962
	: - ADHT cap TKD so 22/VCT/TC	22-12-1963
	: - ADHT cap LD 08/LLEB/TC/CP	05-11-1964
	: - CTBT do QĐ so 0152/LLEB/TC/CP	05-01-1965
	: - LQHC do LI so 27/TL/MD	21-01-1965
	: - ADHT cap SD so 16/LLEB/CL	20-08-1965
CHÍNH - TMMTC	: - ADHT cap Quan Doan so 001/14CT	13-09-1965
	: - BQHC do "gu so 015/CT/LDQO/CL "Hay	14-01-1966
	: - CDHT (49-50) QĐ so 08/LLEB/CL "Hay	17-01-1966
- 02 lan	: - CDHT 60 do QĐ so 08/LLEB/CD	17-01-1966
	: - Giay khen so 0404/LLEB/TC/CP	02-04-1966
	: - ECET QĐ so 043/TTM/CD/BCHT	31-01-1967
	: - ADHT cap QĐ so 108/TTM/CL	17-04-1967
	: - ADHT cap QĐ so 265/TTM/CL	13-09-1967
	: - DHT/1 so 00/TTM/TC/CD/DHT	13-06-1968
	: - ADHT cap ST so 010/ST/CL/DIA/CL	31-06-1968
TUYEN DUONG CONG TRAM	: - ADHT cap SD so 017/ST/ADHT/CL	06-10-1968
	: - CTBT do 79/LLEB/TC/CTBT	06-10-1968
	: - ADHT cap SD so 410/SD22/TC/CP	26-03-1969
	: - Giay khen so 02851/TTM/CL/CE/CA	23-03-1969
	: - TMMT/1 so 319/TTM/TC/CD/TMMT	17-05-1969
	: - ADHT cap SD so 15/SD22/TC/CP/ADHT	
02 lan trước Q.Đoi	: - ADHT cap LD so 25/SD22/TC/CL/ADHT	24-06-1969
- 1 lan trước Quan Doan	: - ADHT cap QĐ so 298/TTM/CL	22-07-1970
- 07 lan trước Su Doan	: - TL cap LD so 01/72/TKD/TC/DE/CP/CL/TL	18-01-1972
- 04 lan trước Lu Doan	: - ADHT cap QĐ so 06/QĐ/TC/CL	21-01-1972
- 01 lan trước Tr. Doan	: - TL cap LD so 19/TKD/TC/DE/CP/CL/TL	26-04-1972
	: - TL cap LD so 34/TKD/TC/DE/CP/CL/TL	15-05-1972
	: - TLG/2 MD so 327/PT/SC/TV/2/MD	19-05-1972
	: - TL cap LD so 25/TKD/TC/DE/CP/CL/TL	20-05-1972
	: - ADHT cap LD so 27/TKD/TC/DE/CP/ADHT	26-05-1972
	: - QĐT/1 do QĐ so 57/TKD/TC/DE/CP/QĐT	02-09-1972
	: - QĐT/1 do QĐ so 52/TKD/TC/DE/CP/QĐT	07-09-1972
	: - LT cap LD so 83/TKD/TC/DE/CP/LT/TL	09-10-1972
	: - BQHC do Tu dang so 859/TT/CL	18-07-1973

K H A N H :

KBC 4023 Ngày 04 Tháng 01 Năm 1975
 TL.Đại tá PHAM-VĂN-NGUYỄN
 Tiểu Khu Trưởng Tiểu Khu Quảng Đức
 TL.Thiếu tá TRƯƠNG HỮU DUNG
 Tiểu Khu Trưởng
 Thiếu tá ĐAM XUY CÂN
 Trưởng Phòng Tổng Quản Trị

Thiếu - Uy ĐO VĂN BACH
 Trưởng Ban Kế Sở Phieu

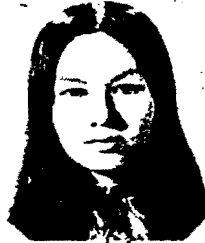
Baum

Đa bộ tục No. 20

DEPARTMENT OF STATE
AGENCY FOR
INTERNATIONAL DEVELOPMENT

Name Thao Phuong HONG
Country VIET-NAM

PIO: P or
Contract Number 730-340-1-50032



THAO

SIGNATURE - PARTICIPANT

Mr. William PARKER
DEVELOPMENT TRAINING SPECIALIST
OR
AID CONTRACT COORDINATOR
Telephone 202-632-8752

1950 11 17TH FRONT

The visitor pictured on this card is in the United States for study and training under the sponsorship of the Agency for International Development, U.S. Department of State. All courtesies extended to this participant will be appreciated.

Sickness and Accident coverage has been provided through the Puritan Life Insurance Company (Policy No. 099-0011). Maximum coverage \$2,000/52 weeks for each illness or accident. All claims and bills should be sent to:

Puritan Life Insurance Company
1511 "K" Street, N. W., Room 1008
Washington, D. C. 20005

POSTMASTER

If found, return to the
Office of International Training
Agency for International Development
U.S. Department of State
Washington, D. C. 20523

RETURN POSTAGE GUARANTEED



HONORARY AWARD



Date 20 April 1964

Peter L. Gervad
Peter L. Gervad
Major, Infantry
Commanding



This certifies that TRAN NGON Capt. has successfully completed the required number of parachute jumps, from an aircraft in flight during joint Vietnamese and United States Special Forces operations and is hereby awarded the United States Army

Parachutist Badge.

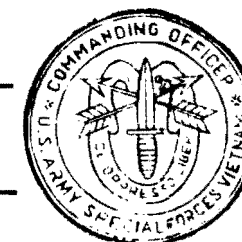


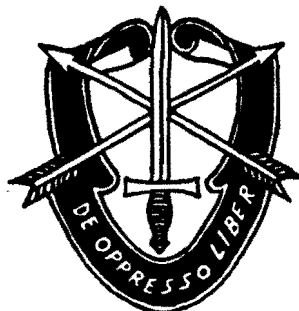
Given this date JUL 1 1963

G. C. Martin

Commanding Officer

United States Army Special Forces Vietnam





This certifies that Capt. Tsung Son has successfully completed the required number of parachute jumps from an aircraft in flight during joint Vietnamese and United States Special Forces operations and is hereby awarded the United States Army

Parachutist Badge.



Given this date 18 Mar 1964

A. Leonard Colonel

Commanding Officer

United States Army Special Forces Vietnam



Hochiminhcity, April 24th., 1989

TO : THE AMERICAN EMBASSY, WASHINGTON, D.C.
1522, Massachusetts Avenue N.W.,
WASHINGTON, D.C. 20004

THE AMERICAN EMBASSY, HANOI, VIETNAM
(ATTENTION: CONSUL GENERAL)

147, Bathers' Tai Rd. - HOCHIMINH CITY, VIETNAM

REQUEST FOR RECOGNITION AND ASSISTANCE IN THE USA IN FAVOR
OF RELOCATION OF FORMER MILITARY FIELD COMMAND OFFICERS.

Dear Gentlemen,

I, the undersigned, **HAH THAI MUON**, widow of former Lt. Colonel
of the Republic of Vietnam Armed Forces,
Residing at : no. 20, duong No Trang Long - Quan Minh Thanh - Hochiminhcity - (Vietnam),

would respectfully request that an approval be benevolently approved
on this petition so my family members and I are to be allowed to emigrate
to the U.S.A. for resettlement there, as refugees under the ORF
programs by the US authorization and protection.

Indeed, my husband, a **RVNAF** Lieutenant-Colonel, have his service in
the last Government of Vietnam, (Special Forces) was reported "Missed
in Action" in 1973 and "Killed in Action" in carrying out an order to
cease an enemy counter-attack that befall in November, 1973, with
location : 2nd Tactical Zone (Republic of Vietnam).

I am pleased to provide herein the statement and other informations
concerning his military service (plus Curriculum vitae).

Full name : **HAH THAI MUON** Date of birth : 1926 - Travinh Prov.
(R. of V.N.)

Army rank & Serial nos : Army Lt. Colonel - 46/103.244

Ministry & Military Unit : Dept. of National Defense - RVNAF
1st Tactical Zone/Quang Duc Sector

Function & Command : Acted as Deputy to Sector Chief,
Commanding officer of the light battalions

Length of his military service (field combats) : 1949-1973

During his service in the Army, my husband have been awarded the following decorations :

- National Order of MI (4th class) and 5th class)
- Gallantry cross - Army citations & Certificates of
satisfactory achievement (all levels)

Honourably and creditably, particularly, he obtained 3 Certificates
of Parachute Jumps (delivered by the US Army Special Forces and appreciated
as Medals of US combats that he won on the battle fields)

By the approbations from the US and the MI authorities, my husband was
classified as ORF beneficiary, his spouse and his children are gaining
the benefits too. I would like to take this opportunity and to call for
the philanthropic acts from the US Government so we may be authorized
an entry to the US Territory under the said programs movements.

The following are my family's members : (Spouse of **HAH THAI MUON**) the petitioner

- | | | |
|----|--------------------------------------|--------------|
| 2) | HAH THAI MUON , daughter | born in 1955 |
| 3) | HAH THAI MUON | 1964 |
| 4) | HAH THAI MUON | 1966 |
| 5) | HAH THAI MUON Son | 1952 |
| 6) | HAH THAI MUON daughter-in-law | 1959 |
| 7) | HAH THAI MUON my grandson | 1977 |
| 8) | HAH THAI MUON grand-daughter | 1982 |

Residence's address : 20, No Trang Long ...2...

- 9 - ~~TRUONG MINH GIANG~~ son 1955
(address: 1' 280, Ho Trung Long - Phu Binh Thanh Hanoi City VN)
- 10 - ~~NGUYEN THI AI XUAN~~ Daughter-in-law 1962
- 11 - ~~TRUONG MINH GIANG~~ grandson 1966
(address: 174/3, Phan Hong Lam - Phuong 3 - Phu Thu-Hung Hanoi City VN)
- 11) ~~TRUONG THI MINH MA~~ daughter born in 1974
- 12) ~~TRUONG THI MINH MA~~ 1964
- 13) ~~TRUONG MINH GIANG~~ son 1967
- 14) ~~TRUONG MINH GIANG~~ son 1963
- ~~TRUONG MINH GIANG~~ AT MA LAI B - LA MAHONGA - TINH QUANG (Vietnam)
- 15) ~~TRUONG THI MINH MA~~ Daughter-in-law 1967
~~TRUONG MINH GIANG~~ AT MA LAI B - LA MAHONGA - TINH QUANG (Vietnam)
- 16) ~~TRUONG MINH GIANG~~ son 1961
- 17) ~~TRUONG MINH GIANG~~ Daughter-in-law 1960
- 18) ~~TRUONG MINH GIANG~~ grandson 1960
- 19) ~~TRUONG MINH GIANG~~ 1963
- ~~TRUONG MINH GIANG~~ AT MA LAI B - LA MAHONGA - TINH QUANG (Vietnam)

In writing for a favorable decision on my matter and I do put my entire rely on the US assistance, I beg to remain,
Dear Gentlemen,

Yours very respectfully,

Mrs. ~~TRUONG THI MINH~~ *Mu*
widow of the late Lt. Col.
~~TRUONG MINH~~

Enclosed please find:

Photocopies of all official documents for evidence
With my deepest thankfulness.

280, Ho Trung Long st
Phuong 12 - Phu Binh Thanh
Hanoi City - Vietnam

TRAM - M^E KIEN - THI - NGON

268 - ĐƯỜNG NỮ TRANG LONG

PHƯỜNG 12 - QUẬN BÌNH THẠNH

TP. HO. CHI MINH

VIET-NAM

T^O - M^E KHUC - MINH - THO

PO BOX 5435 - ARLINGTON

VA 22205-0635



USA

PAR AVION VIA AIR MAIL

4295-26926